

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2025

V/v: *Ly hôn giữa*

chị Nhanh, anh Miên.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng

2. Ông Trần Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Đạo - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992

Đăng ký thường trú: thôn P, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: thôn V, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1990

Nơi cư trú: thôn P, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình

(Chị N có đơn xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn là do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 2013, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn M bị vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy và bị xử phạt tù 01 năm, sau khi anh M chấp hành xong hình phạt tù về với gia đình thì anh M còn hay đánh đập chị; thường xuyên bia rượu rồi gây gỗ, không quan tâm đến gia đình, vợ con, chị cùng với gia đình khuyên nhủ anh M nhiều lần nhưng không có kết quả, anh M không hề thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được nên vợ

chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Nguyễn Trà M1, sinh ngày 20/6/2015, Nguyễn Thu T, sinh ngày 13/8/2022, ly hôn chị xin nhận nuôi cả 02 con Nguyễn Trà M1 và Nguyễn Thu T, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giả quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2025, bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn M, anh M2 hiện nay đang sinh sống cùng với gia đình bà. Bà trình bày về mối quan hệ Hôn nhân, con chung, tài sản chung của anh M và chị N: Anh M và chị N kết hôn là do tự nguyện, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2013, sau khi kết hôn, anh M, chị N sinh sống với gia đình bà tại thôn P, xã P. Ngày 30/11/2024 (âm lịch) chị N bỏ về nhà bố, mẹ đẻ sinh sống, bà không biết nguyên nhân, lý do là gì; chị N từ đó không về gia đình nữa, chị N có nguyện vọng ly hôn với anh M là do anh chị tự quyết định. Về con chung: Anh M và chị N có 02 con chung là Nguyễn Trà M1, sinh ngày 20/6/2015, Nguyễn Thu T, sinh ngày 13/8/2022, hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng gia đình bà. Về tài sản chung: Anh M, chị N không có tài sản chung, không vay nợ của ai.

Anh Nguyễn Văn M không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn M; về nuôi con chung: Giao 02 con Nguyễn Trà M1, sinh ngày 20/6/2015, Nguyễn Thu T, sinh ngày 13/8/2022 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn M. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Anh M đăng ký nhân khẩu tại thôn P, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh M vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N, anh M là đúng với khoản 3 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị N, anh M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 26-12-2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M không có sự quan tâm đến vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt; do mâu thuẫn không thể hòa giải được nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; anh M đã nhận được giấy báo của Tòa án nhưng không đến Tòa án để làm việc chứng tỏ anh cũng không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị N, anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị N, anh M có 02 con chung là Nguyễn Trà M1, sinh ngày 20/6/2015, Nguyễn Thu T, sinh ngày 13/8/2022; chị N có nguyện vọng nuôi cả 02 con và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật; xét yêu cầu xin nuôi con của chị N thấy rằng: Hiện nay các con chung còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ, chị N chứng minh được thu nhập ổn định hàng tháng đảm bảo việc nuôi con, anh M không đến Tòa án làm việc, không chứng minh được thu nhập nên để đảm bảo quyền lợi của con chung, cần giao 02 con Nguyễn Trà M1, sinh ngày 20/6/2015, Nguyễn Thu T, sinh ngày 13/8/2022 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, do anh M không đến Tòa án để làm việc nên không xác định được thu nhập của anh M, do đó xác định mức cấp dưỡng nuôi con không được thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản, vì vậy buộc anh Nguyễn Văn M phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ 01 con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tính từ tháng 7/2025. Anh M có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

[5] Về chia tài sản: Chị N không yêu cầu giải quyết tài sản chung, anh M chưa có bản tự khai và yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh M phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 2 Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn M.
2. Về nuôi con chung: Giao con 02 con Nguyễn Trà M1, sinh ngày 20/6/2015, Nguyễn Thu T, sinh ngày 13/8/2022 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn M phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ 01 con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tính từ tháng 7/2025. Anh M có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000901 ngày 05-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (chị N đã nộp đủ tiền án phí). Anh M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.
4. Quyền kháng cáo: Chị N, anh M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tp Thái Bình;
- Chi cục THADS tp Thái Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Xuân, tp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Trác

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2024

V/v: Ly hôn giữa

chị Vân A và anh M3.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang T2.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị N1

2. Ông Tống Xuân T3

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hà G - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179A/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Vân A, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn M3, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị Vân A có mặt; anh M3 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Vân A trình bày:

Chị và anh M3 kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2020 tại UBND xã H, huyện H, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M3 thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng phai nhạt tình cảm, vợ chồng đã nhiều lần khắc phục nhưng không có kết quả; nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh M3. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 21/12/2021, ly hôn chị xin nhận nuôi con và không yêu cầu anh M3 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 25/7/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn M3 trình bày:

Anh và chị Vân A kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2020 tại UBND xã H, huyện H, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 20/5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh đi làm xa, tiền lương lại không đưa cho vợ, anh đã khắc phục bằng cách hàng tháng gửi tiền về nuôi con theo như chị Vân A yêu cầu, số tiền còn lại thì đến tết anh mới lấy của Công ty về đưa cho vợ; vợ chồng không sống ly thân nhưng do đặc thù

công việc phải đi làm ăn xa, khi nào có công việc thì anh mới về nhà. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết hàn gắn để vợ chồng cùng hiểu nhau, nuôi dạy con cái. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 21/12/2021, nếu ly hôn, anh xin nhận nuôi con và không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Vân A được ly hôn anh Nguyễn Văn M3; về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 21/12/2021 cho chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, anh M3 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Vân A, anh M3 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị Vân A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Đỗ Thị Vân A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn M3. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Anh M3 đăng ký nhân khẩu tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh M3 vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh M3 là đúng với khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Vân A, anh M3 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 30-7-2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tin tưởng và quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt. Chị Vân A xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết

ly hôn; anh M3 không đến Tòa án để làm việc chứng tỏ anh cũng không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị Vân A, anh M3 mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Vân A được ly hôn anh M3 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị Vân A và anh M3 có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 21/12/2021; chị Vân A có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh M3 cấp dưỡng nuôi con, anh M3 cũng có nguyện vọng nuôi con nhưng không đến Tòa án để làm việc; xét yêu cầu xin nuôi con của chị Vân A, anh M3 thấy rằng: Hiện nay con chung đang ở ổn định với chị Vân A, để đảm bảo quyền lợi của con chung nên giao con Nguyễn Hải Đ cho chị Vân A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật, anh M3 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh M3 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

[5] Về chia tài sản: Chị Vân A, anh M3 không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vân A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Vân A và anh Nguyễn Văn M3.

2. Về nuôi con chung: Giao con giao con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 21/12/2021 cho chị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi, anh M3 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh M3 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Vân A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004228 ngày 06-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị Vân A đã nộp đủ tiền án phí).

4. Quyền kháng cáo: Chị Vân A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh M3 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang T2